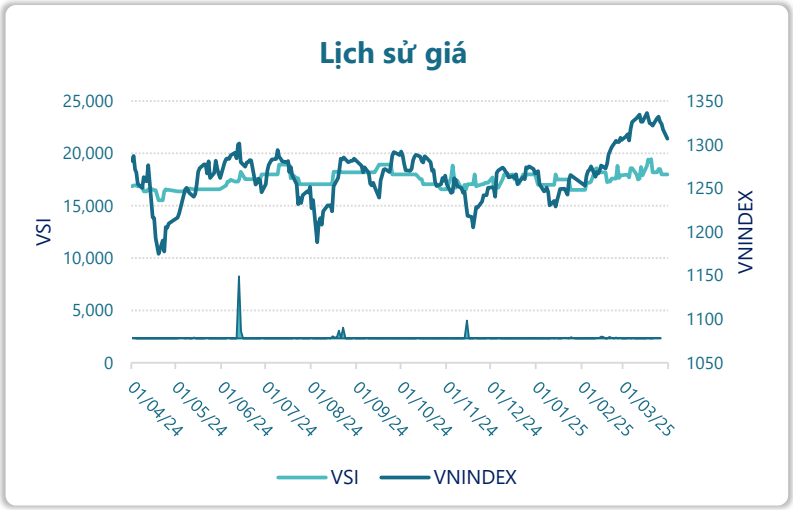
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (HSX: VSI)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,519
SL cổ phiếu LH	13,199,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	570
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	238
P/E	8.8
EPS	2,035

DT thuần

Q1/25

88.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.8| -16.8%

YoY: ▲ 29.3| 49.7%

LN sau thuế

Q1/25

6.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.04| -31.9%

YoY: ▲ 3.18| 96.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.8%

+/- YoY: ▲ 4.6%

DT thuần

2024

253

tỷ VNĐ

YoY: ▼212| -45.7%

LN sau thuế

2024

24.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.60| -5.9%

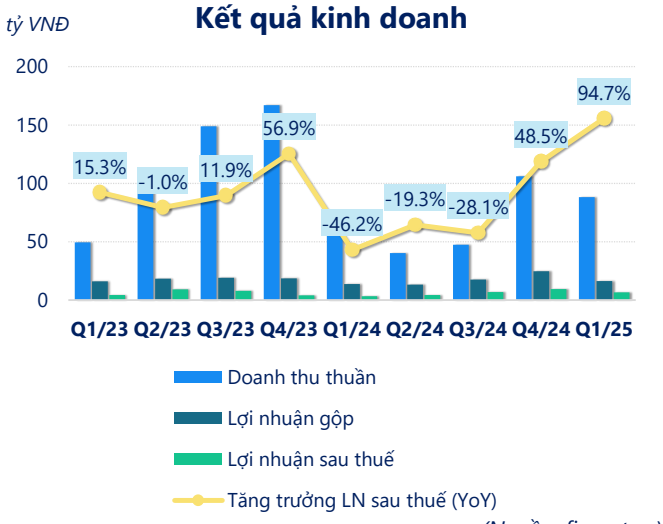
ROE

2024

12.3%

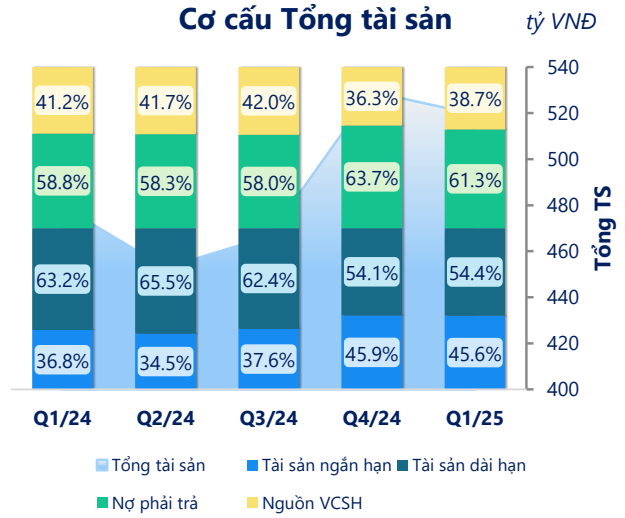
+/- YoY: ▼ 1.1%

Kết quả kinh doanh



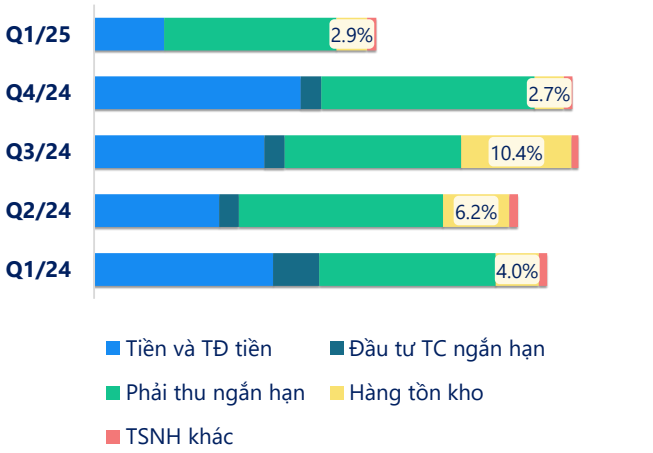
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



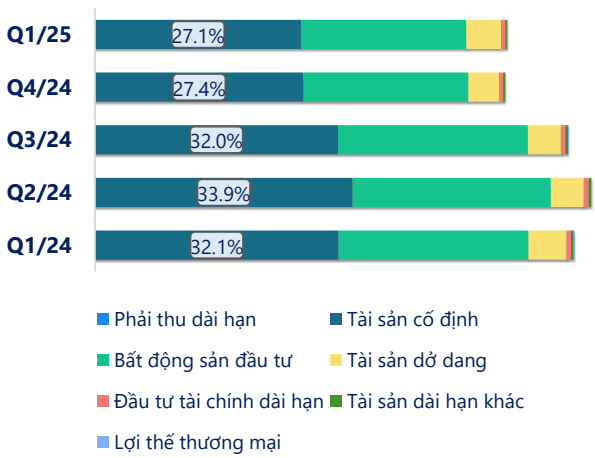
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



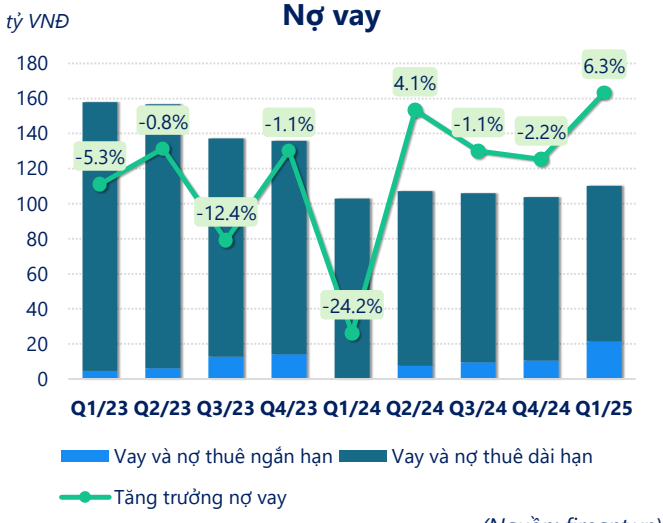
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



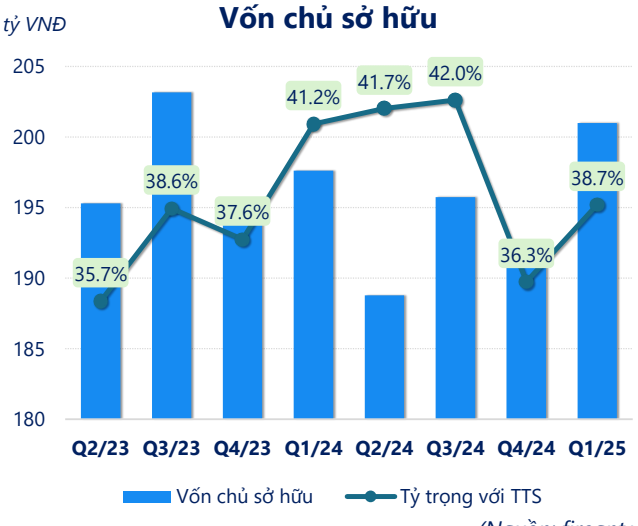
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



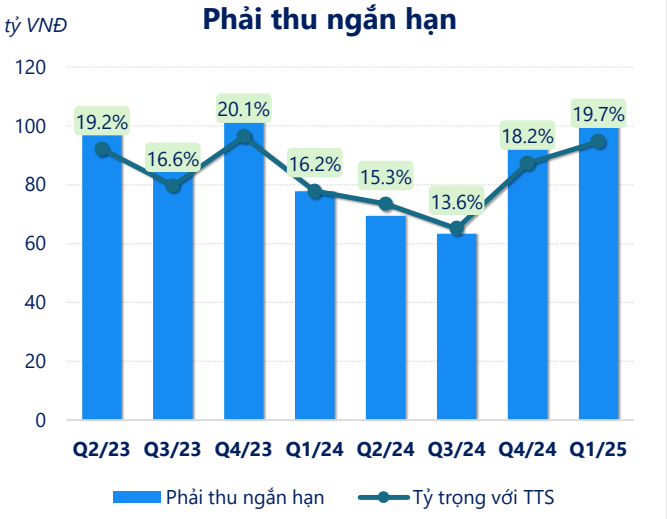
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



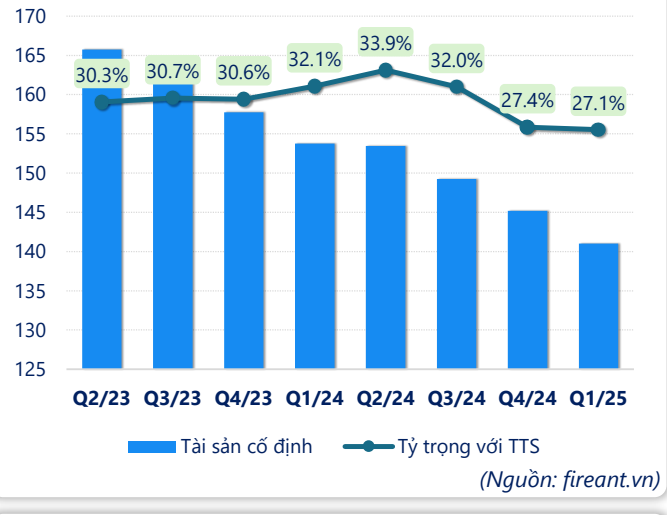
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



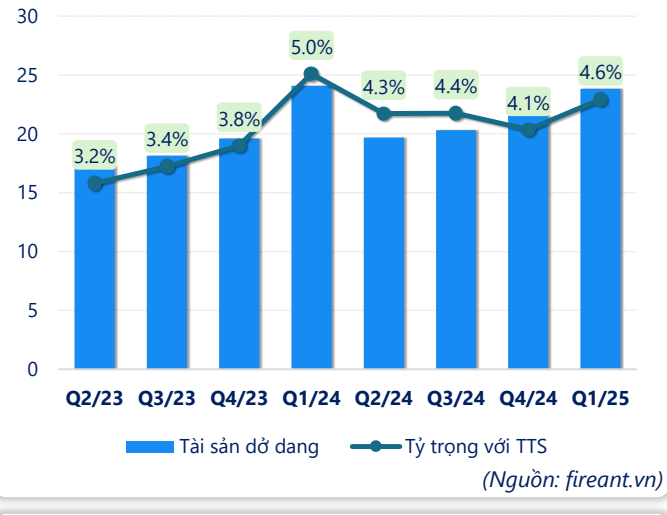
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



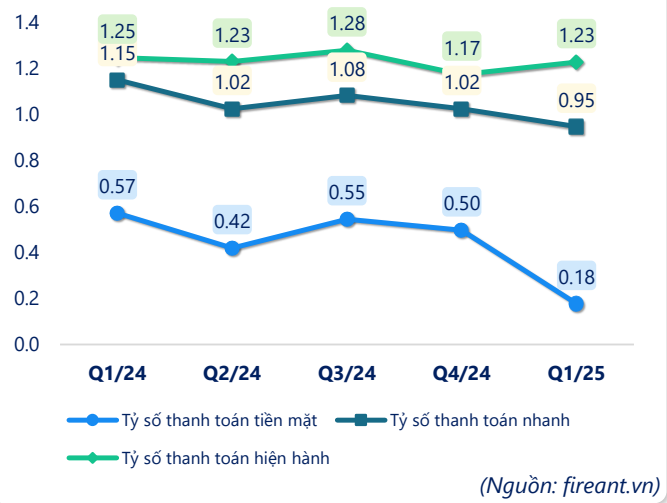
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



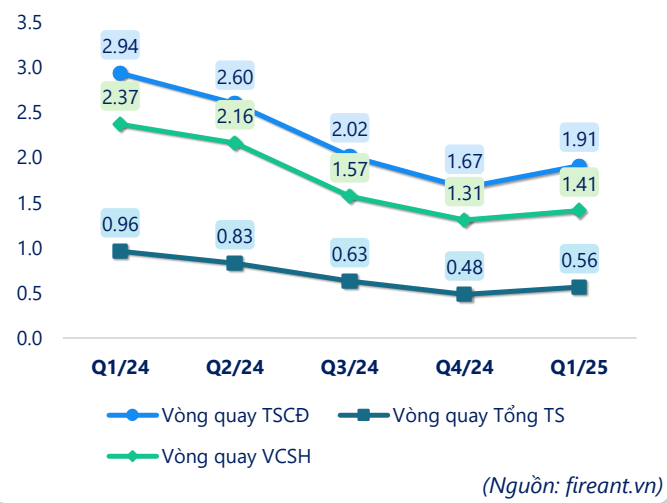
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**480**	**453**	**467**	**529**	**520**
Tài sản ngắn hạn	**177**	**156**	**175**	**243**	**237**
Tiền và tương đương tiền	80.8	53.3	74.8	103	34.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	33.0
Phải thu ngắn hạn	77.8	69.3	63.3	96.2	102
Hàng tồn kho	13.8	26.1	27.0	30.9	54.2
Tài sản ngắn hạn khác	4.17	7.58	10.4	13.0	13.2
Tài sản dài hạn	**303**	**296**	**291**	**286**	**282**
Phải thu dài hạn	0	0.07	0	0	0
Tài sản cố định	154	153	149	145	141
Bất động sản đầu tư	120	118	117	115	113
Tài sản dở dang	24.1	19.7	20.3	21.5	23.8
Đầu tư tài chính dài hạn	2.86	2.86	2.86	2.86	2.86
Tài sản dài hạn khác	1.64	1.49	1.59	1.38	1.49
Lợi thế thương mại	0.78	0.68	0.59	0.49	0.39
Nợ phải trả	**282**	**264**	**271**	**337**	**319**
Nợ ngắn hạn	**141**	**127**	**137**	**207**	**193**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	7.46	9.55	10.5	21.3
Phải trả người bán ngắn hạn	50.3	32.3	34.5	51.0	58.4
Nợ dài hạn	140	137	134	130	125
Vay và nợ thuê dài hạn	103	99.7	96.4	93.2	88.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**198**	**189**	**196**	**192**	**201**
Vốn chủ sở hữu	**198**	**189**	**196**	**192**	**201**
Vốn điều lệ	132	132	132	132	132
Kinh phí và quỹ khác	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01

(Nguồn: fireant.vn)